TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mứt

2. Ông Nguyễn Văn Thiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1990

Địa chỉ thường trú: Số 26/A/8, tổ 08, khu vực 6, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 24, ấp A, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm: 1982

Địa chỉ thường trú: Số 26/A/8, tổ 08, khu vực 6, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 1, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2009, chị và anh Trần Minh T qua quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 27/02/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do kinh tế không ổn định, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, anh T hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự của chị. Mặc dù chị đã nhiều lần giải thích để vợ chồng hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không hiểu nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hòa hợp nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 28/11/2009 và Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày 27/01/2014. Chị yêu cầu được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm thuê cho vựa thanh long thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến ngày 25 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Trần Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị A có đăng ký kết hôn như chị A trình bày. Đời sống vợ chồng giữa anh và chị A có xảy ra cự cãi nhưng mâu thuẫn không lớn, anh vẫn còn thương vợ con nên đã nhiều lần đề nghị vợ chồng đoàn tụ nhưng chị A không đồng ý. Anh và chị A đã ly thân hai năm nay. Do chị A vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị A có hai con chung là cháu Như Y và cháu Khánh T. Anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề chạy xe honda khách, thu nhập bình

quân mỗi ngày từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, đủ khả năng kinh tế để nuôi con, hiện hay cháu đang sống với anh rất tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Trần Ngọc Như Y và cháu Trần Ngọc Khánh T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/11/2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Trần Minh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trần Minh T qua quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 26 quyển số 01 ngày 27/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị A và anh T đã ly thân hơn 01 năm nay nên không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, chị A vẫn giữ yêu cầu ly hôn và anh T chấp nhận, tại phiên tòa anh T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Giữa chị A và anh T có hai con chung là cháu Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 28/11/2009 và cháu Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày 27/01/2014. Hiện hai cháu đang sống với anh T tại xã B, thị xã M. Chị A yêu cầu được nuôi cả hai cháu, hiện chị A làm thuê ở vựa thanh long T, thu nhập ổn định mỗi tháng 6.000.000 đồng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi hai cháu. Tại Bản tự khai ngày 13/8/2018, cháu Như Y cũng có nguyện vọng được sống với chị A. Trong khi đó hiện anh T không có nơi ở và nghề nghiệp ổn định, việc để các cháu sống ở nhà trọ là không đảm bảo cuộc sống ổn định và an toàn cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị A được trực tiếp nuôi cháu Như Y và cháu Khánh T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Do chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu Như Y và cháu Khánh T nên anh T chưa phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, chị A và anh T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Buộc chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Minh T giao cháu Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 28/11/2009 và cháu Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày 27/01/2014 cho chị Nguyễn Thị Thúy A được trực tiếp nuôi, anh Trần Minh T chưa phải cấp dưỡng cho cháu Như Y và cháu Khánh T.

Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Như Y và cháu Khánh T mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trần Minh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, chị A và anh T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009269 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị A đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy